TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 397/2021/DS-ST
Ngày: 26/8/2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng giao khoán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Lý Viết Chấn.

2/. Bà Trịnh Thị Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Hoà Bình.

Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 830/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2020. Về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2021, theo quyết định hoãn phiên toà số 21/2021/QĐST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2021 và theo thông báo mở lại phiên tòa số 54/2021/TB-TA, ngày 13 tháng 8 năm 2021.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị Y. Sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà Y vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Đào Anh S. Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn 17, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Ông S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn**: Công ty cổ phần cà phê H.

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.1 **Người đại diện theo pháp luật của bị đơn**: Ông Đỗ Hoàng P.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2.2 **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn**: Ông Phạm Đình B.

Chức vụ: Kiểm soát viên Công ty cổ phần cà phê H.

Địa chỉ: Số 65 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Ông B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Y trình bày:

Vào ngày 27/8/2011 tôi có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H) theo hợp đồng số 1108/2011/HĐ-GK. Theo đó tôi nhận khoán của Công ty thửa đất có diện tích 9.335m2, diện tích bờ lô là 1.355m2, tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 7, thuộc đội 26/3 quản lý. Địa điểm đất giao khoán: Thuộc xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Hai bên thống nhất xác định nguyên giá vườn cây là 46.083.233 đồng, giá trị vườn cây tại thời điểm ký hợp đồng còn lại là 27.488.809 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 6 năm và được gia hạn thêm 6 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng.

Về mức giao khoán: Định kỳ vào mùa thu hoạch hàng năm tôi phải có trách nhiệm giao nộp sản lượng cà phê quả tươi cho Công ty cụ thể như sau:

Niên vụ 2011 – 2014 giao nộp 2.655 kg, tương ứng 6,25 tạ cà phê nhân.

Niên vụ 2014 – 2017 giao nộp 2.336 kg, tương ứng 5,50 tạ cà phê nhân.

Niên vụ 2017 – 2023 giao nộp 2.230 kg, tương ứng 5,25 tạ cà phê nhân.

Chất lượng cà phê quả tươi mà tôi giao nộp cho Công ty theo từng niên vụ hàng năm phải đạt tiêu chuẩn đó là: Tỷ lệ quả chín ≥ 85%; Tỷ lệ quả vàng ≤ 12%; Tỷ lệ quả xanh ≤ 3%; Tạp chất trong sản phẩm ≤ 0,5%. Sản lượng giao nộp phải khô ráo, nếu gặp mưa Công ty sẽ tính tỷ lệ để khấu trừ.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ 2017 - 2018 tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây và nộp đầy đủ sản lượng cà phê quả tươi hàng năm cho Công ty, niên vụ 2018 - 2019 đến nay tôi phát hiện Công ty đã có sự gian lận trong quy trình tính toán về chi phí nhân công, số lượng cà phê quả tươi quy nhân và thuỷ lợi phí không đúng theo tỉ lệ 49% - 51% như hợp đồng giao khoán để đem hết lợi nhuận cho Công ty nên tôi làm đơn khởi kiện Công ty để yêu cầu Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc:

1. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công trong thời gian 07 năm (2011- 2017) là: 86.954.753,2 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận trong thời gian 07 năm (2011- 2017) là: 24.304.000 đồng.

3. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền thủy lợi phí trong thời gian 20 năm (1998 - 2018) là 5.100.000 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả cho tôi số tiền là 116.358.753,2 đồng (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 86.954.753,2 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 12.422.107,6 đồng/1ha); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 434kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 3.472.000 đồng/1năm); Công ty đã gian lận khoản tiền thuỷ lợi phí của phần 51% cho diện tích 01ha trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 5.100.000 đồng. (Bình quân một năm Công ty gian lận 255.000 đồng/1ha).

Tôi làm đơn khởi kiện Công ty dựa trên mức tính bình quân của 01 héc ta được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt vào năm 2011. Tuy nhiên, thửa đất tôi nhận khoán với Công ty chỉ có diện tích 9.335m2. Mặt khác do có sự nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện tôi đã yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho tôi khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương do Công ty thu sai của tôi trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 5.100.000 đồng và trong quá trình hoà giải tôi lại yêu cầu Công ty phải trả lại cho tôi khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương do Công ty thu sai của tôi trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 714.000 đồng.

Nhưng thực tế trong quá trình nhận khoán tôi chỉ sử dụng nước tưới kênh mương, hồ đập của Công ty trong thời gian 03 năm (2011-2013) nhưng công ty đã thu sai của tôi số tiền thuỷ lợi phí của phần 51% với số tiền 714.127 đồng. Vì vậy, nay tôi xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi đối với tổng số tiền 115.644.642,2 đồng. (Trong đó tiền chi phí nhân công là 86.954.753,2 đồng, tiền về số lượng cà phê quả tươi quy nhân là 24.304.000 đồng và một phần tiền thuỷ lợi phí là 4.385.871 đồng). Tôi không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Số tiền còn lại tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc Công ty cổ phần cà phê H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho tôi khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương đã thu sai của tôi trong thời gian 03 năm (2011-2013) với số tiền 714.129 đồng. Theo hợp đồng giao khoán thủy lợi phí do hai bên chịu trách nhiệm và phân chia theo tỉ lệ 49% - 51%, khi sử dụng mương nước do Công ty cung cấp thì người giao khoán phải trả lại cho Công ty số tiền sử dụng mương nước 49%. Nhưng thực tế Công ty đã bắt tôi phải chịu tiền thủy lợi phí 100% của vườn cây, vì vậy tôi đề nghị Công ty phải thanh toán số tiền tôi đã bỏ ra tưới nước của phần 51% cụ thể như sau:

Tiền khấu hao kênh mương: 500.000 đồng/ha/1 năm x 03 năm = 1.500.000 đồng.

Chia theo tỉ lệ 49% - 51% là: Tôi (Yến) chịu 735.000 đồng.

Công ty chịu 765.000 đồng.

Như vậy trong thời gian 03 năm (2011-2013) Công ty thu sai tiền thuỷ lợi phí của các hộ nhận khoán là 255.000 đồng/ha/năm. (255.000 đồng x 07 năm = 765.000 đồng).

Chia theo tỉ lệ diện tích đất tôi nhận khoán của Công ty thì: (765.000 đồng : 10.000m2 = 76,5 đồng/1m2) x 9.335m2 = 714.127 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án tôi không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tôi đã nộp tiền thuỷ lợi phí cho Công ty từ năm 2011 đến năm 2013. Tuy nhiên, cho đến nay tôi đã tìm được chứng cứ mới đó là danh sách Công ty thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương của các hộ dân nhận khoán từ năm 2011 đến năm 2013. Trong đó Công ty đã thu sai của tôi số tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương với số tiền 714.127 đồng.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Anh S, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đào Anh S trình bày:

Vào ngày 27/8/2011 tôi có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H) theo hợp đồng số 552/2011/HĐ-GK. Theo đó tôi nhận khoán của Công ty thửa đất có diện tích 10.500m2, tại thửa đất số 4a, tờ bản đồ số 12, thuộc đội 17/3 quản lý. Địa điểm đất giao khoán: Thuộc xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Hai bên thống nhất xác định nguyên giá vườn cây là 51.834.381 đồng, giá trị vườn cây tại thời điểm ký hợp đồng còn lại là 30.913.581 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 6 năm và được gia hạn thêm 6 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng.

Về mức giao khoán: Định kỳ vào mùa thu hoạch hàng năm tôi phải có trách nhiệm giao nộp sản lượng cà phê quả tươi cho Công ty cụ thể như sau:

Niên vụ 2011 – 2014 giao nộp 2.986 kg, tương ứng 6,25 tạ cà phê nhân.

Niên vụ 2014 – 2017 giao nộp 2.628 kg, tương ứng 5,50 tạ cà phê nhân.

Niên vụ 2017 – 2023 giao nộp 2.508 kg, tương ứng 5,25 tạ cà phê nhân.

Chất lượng cà phê quả tươi mà tôi giao nộp cho Công ty theo từng niên vụ hàng năm phải đạt tiêu chuẩn đó là: Tỷ lệ quả chín ≥ 85%; Tỷ lệ quả vàng ≤ 12%; Tỷ lệ quả xanh ≤ 3%; Tạp chất trong sản phẩm ≤ 0,5%. Sản lượng giao nộp phải khô ráo, nếu gặp mưa Công ty sẽ tính tỷ lệ để khấu trừ.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ 2017 - 2018 tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây và nộp đầy đủ sản lượng cà phê quả tươi hàng năm cho Công ty, niên vụ 2018 - 2019 đến nay tôi phát hiện Công ty đã có sự gian lận trong quy trình tính toán về chi phí nhân công, số lượng cà phê quả tươi quy nhân và thuỷ lợi phí không đúng theo tỉ lệ 49% - 51% như hợp đồng giao khoán để đem hết lợi nhuận cho Công ty nên tôi làm đơn khởi kiện Công ty để yêu cầu Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc:

1. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công trong 07 năm (2011- 2017) là: 86.954.753,2 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận trong 07 năm (2011- 2017) là: 24.304.000 đồng.

3. Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại số tiền thủy lợi phí trong thời gian 20 năm (1998 - 2018) là 5.100.000 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả cho tôi số tiền là 116.358.753,2 đồng (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 86.954.753,2 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 12.422.107,6 đồng/1ha); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận 434kg cà phê quả tươi, với giá 8.000 đồng/1kg, quy thành tiền là 3.472.000 đồng/1năm); Công ty đã gian lận khoản tiền thuỷ lợi phí của phần 51% cho diện tích 01ha trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 5.100.000 đồng. (Bình quân một năm Công ty gian lận 255.000 đồng/1ha).

Tôi làm đơn khởi kiện Công ty dựa trên mức tính bình quân của 01 héc ta được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt vào năm 2011. Tuy thửa đất tôi nhận khoán với Công ty có diện tích 10.500m2, nhưng tôi chỉ khởi kiện đối với diện tích 01 ha, diện tích đất còn lại không đáng kể nên tôi không khởi kiện. Mặt khác do có sự nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện tôi đã yêu cầu Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho tôi khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương do Công ty thu sai của tôi trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 5.100.000 đồng và trong quá trình hoà giải tôi lại yêu cầu Công ty phải trả lại cho tôi khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương do Công ty thu sai của tôi trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 3.500.000 đồng. (500.000 đồng x 07 năm = 3.500.000 đồng).

Nhưng thực tế trong quá trình nhận khoán tôi có sử dụng nước tưới kênh mương, hồ đập của Công ty trong thời gian 07 năm (2011-2017) nhưng công ty đã thu sai của tôi số tiền thuỷ lợi phí của phần 51% với số tiền 1.785.000 đồng. Vì vậy, nay tôi xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi đối với tổng số tiền 114.573.753,2 đồng. (Trong đó tiền chi phí nhân công là 86.954.753,2 đồng, tiền về số lượng cà phê quả tươi quy nhân là 24.304.000 đồng và một phần tiền thuỷ lợi phí là 3.315.000 đồng). Tôi không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Số tiền còn lại tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc Công ty cổ phần cà phê H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho tôi khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương đã thu sai của tôi trong thời gian 07 năm (2011 - 2017) với số tiền 1.785.000 đồng. Theo hợp đồng giao khoán thủy lợi phí do hai bên chịu trách nhiệm và phân chia theo tỉ lệ 49% - 51%, khi sử dụng mương nước do Công ty cung cấp thì người giao khoán phải trả lại cho Công ty số tiền sử dụng mương nước 49%.

Nhưng thực tế Công ty đã bắt tôi phải chịu tiền thủy lợi phí 100% của vườn cây, vì vậy tôi đề nghị Công ty phải thanh toán số tiền tôi đã bỏ ra tưới nước của phần 51% cụ thể như sau:

Tiền khấu hao kênh mương: 500.000 đồng/ha/1 năm x 07 năm = 3.500.000 đồng.

Chia theo tỉ lệ 49% - 51% là: Tôi (Sỹ) chịu 1.715.000 đồng.

Công ty chịu 1.785.000 đồng.

Như vậy trong thời gian 07 năm (2011 - 2017) Công ty thu sai tiền thuỷ lợi phí của tôi là 255.000 đồng/ha/năm. (255.000 đồng x 07 năm = 1.785.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án tôi không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tôi đã nộp tiền thuỷ lợi phí cho Công ty từ năm 2011 đến năm 2017. Tuy nhiên, cho đến nay tôi đã tìm được chứng cứ mới đó là danh sách Công ty thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương của các hộ dân nhận khoán từ năm 2011 đến năm 2017. Trong đó Công ty đã thu sai của tôi số tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương với số tiền 1.874.000 đồng, nhưng nay tôi chỉ yêu cầu Công ty phải hoàn trả lại cho tôi số tiền 1.785.000 đồng (tính theo diện tích 01ha).

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B trình bày:

Công ty cổ phần cà phê H (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H) thừa nhận việc Công ty với bà Trần Thị Y có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên theo hợp đồng số 1108/2011/HĐ-GK, ngày 27/8/2011 và thừa nhận Công ty có ký kết hợp đồng giao khoán đối với ông Đào Anh S, theo hợp đồng số 552/2011/HĐ-GK, ngày 27/8/2011.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, bà Y, ông S đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 cho đến nay bà Y, ông S đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng nhưng Công ty chưa tiến hành khởi kiện.

Công ty cổ phần cà phê H không chấp nhận 03 yêu cầu khởi kiện của bà Y và ông S về tổng số tiền 116.358.753,2 đồng. Trong đó, tiền chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 86.954.753,2 đồng, tiền về số lượng cà phê quả tươi quy nhân cho diện tích 01ha trong thời gian 07 năm (2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, quy thành tiền là 24.304.000 đồng và tiền thuỷ lợi phí cho diện tích 01ha trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 5.100.000 đồng.

Việc bà Y, ông S buộc Công ty phải trả lại số tiền thủy lợi phí trong thời gian 20 năm (1998-2018) với số tiền 5.100.000 đồng (theo đơn khởi kiện của bà Y, ông S) thì Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông S vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê. Do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê. Tại trang 9, 10

của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê được UBND tỉnh phê duyệt đã ghi rõ các khoản mục trong cấu thành giá thành sản xuất, việc bà Y, ông S tưới nước từ kênh mương của Công ty thì ngoài việc phải trả tiền khấu hao kênh mương, thuỷ lợi cho Công ty phần 49% là 245.000 đồng/ha/năm thì còn phải trả lại cho Công ty 255.000 đồng/ha/năm.

Do đó trong phần tính toán chi phí đầu tư ăn chia sản phẩm Công ty đã trả 255.000 đồng/ha/năm (là khoản tiền khấu hao kênh mương của phần 51%). Như vậy, từ năm 2011 đến năm 2017 Công ty thu tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của các hộ nhận khoán 500.000 đồng/ha/năm (tương ứng với 100%) là hoàn toàn đúng theo điểm c khoản 2 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng giao khoán. Hàng năm Công ty đều có thông báo cho các hộ dân nhận khoán biết việc thu tiền khấu hao kênh mương, hồ đập trước khi vào vụ tưới nước. Từ những lý do nêu trên cho thấy việc bà Y, ông S làm đơn khởi kiện đòi Công ty trả cho bà Y, ông S số tiền thủy lợi phí là không có cơ sở.

Ngày 12/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên toà. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Y, ông Đào Anh S và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho bà Y số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 9.335m2 mà Công ty đã thu sai của bà Y trong thời gian 03 năm (2011- 2013) với số tiền 714.129 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả số tiền 115.644.642,2 đồng (Một trăm mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi hai phẩy hai đồng).

Bà Trần Thị Y được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Anh S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho ông S số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 01 ha mà Công ty đã thu sai của ông S trong thời gian 07 năm (2011- 2017) với số tiền 1.785.000 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Anh S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả số tiền 114.573.753,2 đồng (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Ông Đào Anh S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Trần Thị Y đề ngày 30/5/2020, đơn khởi kiện của ông Đào Anh S đề ngày 03/8/2020 Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty cổ phần cà phê H có trụ sở và địa chỉ tại xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn bà Trần Thị Y, ông Đào Anh S và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty cổ phần cà phê H là ông Phạm Đình B đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trần Thị Y, ông Đào Anh S và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông Phạm Đình B.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được các bên thừa nhận, Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày 27/8/2011 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H) có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đối với bà Trần Thị Y, theo hợp đồng số 1108/2011/HĐ-GK và ký kết hợp đồng giao khoán đối với ông Đào Anh S, theo hợp đồng số 552/2011/HĐ-GK.

Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi ký kết hợp đồng giao khoán cho đến hết niên vụ 2017-2018 bà Y, ông S đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cà phê cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Công ty theo hợp đồng, không có tranh chấp và đã được các bên đương sự thừa nhận. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho bà Y khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương do Công ty thu sai của bà Y trong thời gian 03 năm (2011- 2013) với số tiền 714.129 đồng và xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Anh S về việc buộc Công ty phải trả lại cho ông S khoản tiền thuỷ lợi phí khấu hao kênh mương do Công ty thu sai của ông S trong thời gian 07 năm (2011- 2017) với số tiền 1.785.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại khoản 1 Điều 1 của hợp đồng có ghi: *"Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê".*

Tại điểm c khoản 2 Điều 2 của hợp đồng có ghi:*"Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm".*

Tại điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng có ghi: "*Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm".*

Hợp đồng giao khoán hai bên có thoả thuận đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương thì hộ nhận khoán phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho Công ty theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm nhưng không quy định cụ thể, rõ ràng. Công ty có tổ chức hội nghị người lao động nhưng không thoả thuận đơn giá khấu hao kênh mương, hồ đập theo như hợp đồng ký kết giữa Công ty và người nhận khoán. Như vậy, từ năm 2011 đến năm 2017 Công ty thông báo cho các hộ nhận khoán nộp 500.000đồng/ha/năm (100% tiền khấu hao kênh mương) là ý chí của Công ty, không có sự thống nhất giữa Công ty và người nhận khoán. Do hợp đồng giao khoán có điều khoản không rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của các bên về chi phí tưới nước kênh mương, hồ đập. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1,7,8 Điều 409 Bộ luật dân sự 2005 giải thích hợp đồng dân sự như sau:

1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí chung của các bên để giải thích điều khoản đó.

7. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ý chí chung của các bên với ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chí chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng.

8. Trong trường hợp bên mạnh thế đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên yếu thế thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên yếu thế.

Mặt khác, tại trang 9 và 10 của bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND, ngày 08/6/2011 có nêu: Chi phí khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000đồng/ha/năm (chi phí 100% trên vườn cây). Như vậy, phần 51% của Công ty là 255.000đồng/ha/năm, còn lại phần 49% của người nhận khoán là 245.000 đồng/ha/năm. Sản lượng của phần (51-49) là 2.800 kg, phần giao nộp 51% là 1.428kg, phần 49% là 1.372kg. Từ số liệu trên Công ty xây dựng định mức giao khoán như sau: Chi phí phần 51% là 713kg; Định mức sản lượng giao nộp khoán gọn 1.428kg – 713kg = 715kg (quy tròn 700kg), chi phí 51% quy nhân 731kg cà phê nhân; Định mức khoán gọn giao nộp 7 tạ nhân/ha/năm là mức cao nhất trong chu kỳ kinh doanh của vườn cà phê. Như vậy, định mức khoán gọn tối đa mà người nhận khoán giao nộp cho Công ty là 7 tạ nhân/ha/năm, trong đó đã được khấu trừ chi phí bao gồm 51% chi phí khấu hao hồ đập, kênh mương tương đương 255.000đồng/ha/năm mà Công ty phải chịu.

Công ty là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, soạn thảo hợp đồng, đồng thời lập tờ trình số 22/TTr-CTTNHH, ngày 12/02/2019 xác định: *"Công ty đã thu nhầm khoản tiền thu khấu hao kênh mương, hồ, đập đối với các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của Công ty. Thời gian thu nhầm từ năm 2011-2017. Mức khấu hao kênh mương, hồ đập theo phương án khoán gọn là 500.000đồng/ha/năm. Theo quy định trong phương án phần Công ty chịu 51% là 255.000đồng/ha/năm. Phần hộ nhận khoán chịu 49% là 245.000đồng/ha/năm. Nay các hộ nhận khoán làm đơn đề nghị Công ty trả lại số tiền phần 51% mà Công ty đã thu nhầm. Công ty đã tiến hành kiểm tra, rà soát và tính toán cụ thể theo từng năm số tiền mà Công ty đã thu nhầm là 255.000đồng/ha/năm phải trả cho hộ nhận khoán gọn có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của Công ty 7 năm qua là 1.266.242.988 đồng*".

Ngày 11/4/2019 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 2832/UBND-KT, với nội dung đồng ý chủ trương cho Công ty hoàn trả lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập mà Công ty đã thu của các hộ nhận khoán từ năm 2011-2017.

Ngày 24/4/2019 Công ty TNHH MTV cà phê H, nay là (Công ty cổ phần cà phê H) ra thông báo số 72/TB-Cty, có nội dung:*"Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê (phần 51%) từ năm 2011-2017 (có bảng kê chi tiết, cụ thể từng hộ nhận khoán gọn vườn cà phê được nhận kèm theo)"*.

Ngày 07/11/2020 Công ty cổ phần cà phê H ra thông báo số 714/TB-CTCP, mời những người nhận khoán đến Công ty để nhận tiền khấu hao kênh mương phần 51% Công ty đã thu từ năm 2011-2017.

Như vậy, Thông báo số 72/TB-Cty, ngày 24/4/2019 và Thông báo số 714/TB-CTCP, ngày 07/11/2020 của Công ty là văn bản giải thích cho điều khoản không rõ ràng của hợp đồng khoán gọn, đồng thời Công ty đã thừa nhận thu nhầm khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của người nhận khoán từ năm 2011-2017 và đã tự nguyện thông báo trả lại cho những người nhận khoán. Do đó, Công ty phải có trách nhiệm hoàn trả lại khoản tiền khấu hao kênh mương đã thu của những người nhận khoán.

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Y và ông Đào Anh S đã giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ mới đó là: Bảng danh sách Công ty TNHH MTV cà phê H thanh toán lại tiền khấu hao kênh mương phần 51% đã thu của các chủ hộ tưới mương (Đội 17/3 và đội 26/3) từ năm 2011 đến năm 2017. Nội dung trong bảng danh sách đã thể hiện Công ty có thu của bà Y khoản tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong thời gian 03 năm (2011-2013) với số tiền 714.129 đồng và có thu của ông S khoản tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong thời gian 07 năm (2011-2017) với số tiền 1.874.000 đồng, tuy nhiên ông S chỉ yêu cầu Công ty phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông S số tiền thuỷ lợi phí là 1.785.000 đồng (tính theo diện tích 01ha). Tòa án đã tiến hành giao chứng cứ của bà Y và ông S cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Đình B được biết, bị đơn không có ý kiến gì về chứng cứ mới do nguyên đơn cung cấp.

Việc bị đơn Công ty cổ phần cà phê H cho rằng: Từ năm 2011 đến năm 2017 Công ty thu tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của các hộ nhận khoán 500.000 đồng/ha/năm (tương ứng với 100%) là đúng theo điểm c khoản 2 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng giao khoán và tại trang 9, 10 của phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho bà Y số tiền thủy lợi phí khấu

hao kênh mương cho diện tích 9.335m2 do Công ty đã thu sai của bà Y trong thời gian 03 năm (2011-2013) với số tiền 714.129 đồng và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Anh S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho ông S số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 01 ha do Công ty đã thu sai của ông S trong thời gian 07 năm (2011- 2017) với số tiền 1.785.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trần Thị Y xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện với tổng số tiền 115.644.642,2 đồng, nguyên đơn ông Đào Anh S xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện với tổng số tiền 114.573.753,2 đồng. Xét thấy, việc bà Y, ông S xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y và ông Đào Anh S.

Bà Trần Thị Y và ông Đào Anh S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y đối với số tiền 714.129 đồng và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Anh S đối với số tiền 1.785.000 đồng nên bị đơn Công ty cổ phần cà phê H (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê H) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Y số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẽ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0009769, ngày 19/6/2020.

Hoàn trả lại cho ông Đào Anh S số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẽ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Đào Anh S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0016008, ngày 07/9/2020.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho bà Y số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 9.335m2 do Công ty đã thu sai của bà Y trong thời gian 03 năm (2011- 2013) với số tiền 714.129 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả số tiền 115.644.642,2 đồng (Một trăm mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi hai phẩy hai đồng).

Bà Trần Thị Y được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Anh S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả lại cho ông S số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 01 ha do Công ty đã thu sai của ông S trong thời gian 07 năm (2011- 2017) với số tiền 1.785.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Anh S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê H phải trả số tiền 114.573.753,2 đồng (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Ông Đào Anh S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí**: Bị đơn Công ty cổ phần cà phê H (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê H) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Y số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẽ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0009769, ngày 19/6/2020.

Hoàn trả lại cho ông Đào Anh S số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẽ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Đào Anh S đã nộp tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Krông Pắc. Theo biên lai thu số AA/2019/0016008, ngày 07/9/2020.

- **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc.
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hồng Trường